

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST

Ngày 08-8-2017.

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Lê Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Như Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 424/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp BQ, xã BT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Ấp AK, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Thành H, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp BQ, xã BT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu với nhau được 03 tháng thì tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT,

huyện TB, tỉnh Tây Ninh vào năm 2014. Sau khi cưới, vợ chồng chị thuê nhà trọ tại ấp AK, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh để đi làm công nhân. Đến khi chị sinh con thì vợ chồng về nhà mẹ chồng sống tại ấp BQ, xã BT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chị nghỉ hậu sản, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không quan tâm chăm sóc vợ con thường xuyên đi chơi với bạn bè. Khi con chị được 05 tháng thì anh H đưa chị về nhà cha mẹ ruột sống từ đó anh H bỏ mặt chị và không thăm con. Vợ chồng sống ly thân hơn 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh H không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Nguyễn Bảo K, sinh ngày 29/9/2014, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thành H trình bày:

Anh xác nhận thời gian sống chung, về con chung, tài sản chung và nợ chung như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã nên đã tự sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung đồng ý giao chị M tiếp tục nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh H.

Về con chung: Giao chị M tiếp tục nuôi con, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Thành H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H tự nguyện chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, chị M và anh H sống tại nhà trọ đến khi chị M sinh con thì về bên nhà anh H sinh sống. Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi vã. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không có thiện chí hàn gắn. Nay chị M vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt. Điều đó cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị M và anh H đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Nguyễn Bảo K, sinh ngày 29/9/2014, hiện đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi cháu, anh H đồng ý giao cháu K cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, nên giao cháu Khang cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Chị M có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 700.000 đồng/tháng, anh H không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 700.000 đồng

[5] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Phan Thành H.

Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phan Thành H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Phan Nguyễn Bảo K, sinh ngày 29/9/2014.

3. Buộc anh Phan Thành H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0009028 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị M đã nộp đủ án phí.

- Anh Phan Thành H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

7. Báo cho chị M biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm